UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG **SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1 /GPMT-STNMT	*Bình Dương, ngày 07 tháng 01 năm 2025*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp Giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 241/2024-CV ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Công ty TNHH Liên Anh và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 01/TTr-CCBVMT ngày 02 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Liên Anh *(địa chỉ trụ sở chính tại 189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương)* được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê *(tại 189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương)* với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Công ty TNHH Liên Anh

1.2. Địa điểm hoạt động: phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700530897 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02/05/2002; đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 18/01/2022.

1.4. Quyết định số 2417/QĐ-UBND ngày 21 tháng 09 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết cho Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê với tổng diện tích 158.748,8m^2 tại 189/8 đường Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương.

1.5. Mã số thuế: 3700530897

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng. Các ngành nghề cho thuê không thuộc Danh mục loại hình sản xuất theo quy định tại Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và được phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 07 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, bao gồm:

Stt	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành
		Cấp 4
1	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại Chi tiết: Gia công cắt CNC (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)	2591
2	Gia công cơ khí Chi tiết: Gia công cơ khí, chế tạo khuôn mẫu phục vụ ngành giày, may mặc (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)	2529
3	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su Chi tiết: sản xuất logo bằng cao su các loại	2212
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: dịch vụ logistics, vận chuyển hàng hóa, lưu kho, hỗ trợ các hoạt động vận tải khác	5229
5	Dịch vụ vận tải theo đường bộ. Phương tiện vận tải là xe tải, container	4933

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

1.7.1. Phạm vi: Tổng diện tích đất của cơ sở là 158.748,8m^2, trong đó cho thuê nhà xưởng, nhà kho, văn phòng với diện tích 97.356,75m^2.

1.7.2. Quy mô, công suất:

- Cơ sở có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm C theo tiêu chí phân loại của pháp luật về đầu tư công.

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Liên Anh được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Liên Anh có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.5. Cơ sở phải ngừng hoạt động, di dời hoặc chuyển đổi công năng đúng thời gian khi có Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **00 năm.359.ngày.**

(Từ ngày *07* tháng *01* năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025. Thời hạn cấp phép theo Văn bản số 5893/UBND-KT ngày 02/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc gia hạn thời gian cho thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Liên Anh).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê tại 189/8 Lê Hồng Phong, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Liên Anh theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (báo cáo);
- UBND thành phố Dĩ An;
- UBND phường Tân Bình;
- Công ty TNHH Liên Anh;
- Cổng Thông tin điện tử của STNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, Thao5.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Ngô Quang Sự

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1 /GPMT-STNMT ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh của khu nhà xưởng 1 với lưu lượng 16 m^3/ngày.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh của khu nhà xưởng 2 với lưu lượng 5 m^3/ngày.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh của khu nhà xưởng 3 với lưu lượng 12 m^3/ngày.

- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh của khu nhà xưởng 4 với lưu lượng 39 m^3/ngày.

- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh của khu nhà xưởng 5 với lưu lượng 30 m^3/ngày.

- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh của khu nhà xưởng 6 với lưu lượng 9 m^3/ngày.

- Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh của khu nhà xưởng 7 với lưu lượng 2 m^3/ngày.

- Nguồn số 08: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh của khu nhà xưởng 8 với lưu lượng 7 m^3/ngày.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Cây Trường *(phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương)*.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 điểm tại mương thoát nước khu vực *(tiếp giáp phía sau Công ty)* trước khi chảy vào Suối Tư Ngởi và đổ vào Suối Cây Trường, phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1209949; Y = 609613 *(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105^0, múi chiếu 3^0).*

- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 120 m^3/ngày (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý theo hệ thống ống PVC *(chiều dài 3m, đường kính 90mm)* → Mương BTCT hở (*chiều dài 3m, đường kính 1.2m)* → Mương thoát nước khu vực *(chiều dài khoảng 420m, rộng khoảng 1.2m – 3m)* → Suối Tư Ngởi → Suối Cây Trường → Rạch Ông Tiếp → Sông Đồng Nai.

- Phương thức xả thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, K_q = 0,9; K_f = 1,1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	^{0}C	40	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Màu	Pt/Co	50		
3	pH	-	6-9		
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	49,5		
5	COD	mg/l	74,3		
6	BOD_5 (20^0C)	mg/l	29,7		
7	Tổng nitơ	mg/l	19,8		
8	Tổng phốt pho	mg/l	3,96		
9	Amoni	mg/l	4,95		
10	Sunfua	mg/l	0,198		
11	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,95		
12	Coliforms	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà xưởng 1 của cơ sở được xử lý sơ bộ qua 7 bể tự hoại → các đường ống nhánh PVC có đường kính từ 49mm-60mm → đường ống thoát nước thải chính PVC có đường kính 90mm → hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà xưởng 2 của cơ sở được xử lý sơ bộ qua 2 bể tự hoại → các đường ống nhánh PVC có đường kính 49mm → đường ống thoát nước thải chính PVC có đường kính 90mm → hệ thống xử lý nước

thải tập trung.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà xưởng 3 của cơ sở được xử lý sơ bộ qua 5 bể tự hoại → các đường ống nhánh PVC có đường kính từ 42mm-49mm → đường ống thoát nước thải chính PVC có đường kính 90mm → hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà xưởng 4 của cơ sở được xử lý sơ bộ qua 17 bể tự hoại → các đường ống nhánh PVC có đường kính từ 49mm-60mm → đường ống thoát nước thải chính PVC có đường kính 90mm → hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà xưởng 5 của cơ sở được xử lý sơ bộ qua 13 bể tự hoại → các đường ống nhánh PVC có đường kính 60mm → đường ống thoát nước thải chính PVC có đường kính 90mm → hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà xưởng 6 của cơ sở được xử lý sơ bộ qua 4 bể tự hoại → các đường ống nhánh PVC có đường kinh 60mm → đường ống thoát nước thải chính PVC có đường kính 90mm → hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà xưởng 7 của cơ sở được xử lý sơ bộ qua 1 bể tự hoại → các đường ống nhánh PVC có đường kính 60mm → đường ống thoát nước thải chính PVC có đường kính 90mm → hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 08: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà xưởng 8 của cơ sở được xử lý sơ bộ qua 3 bể tự hoại → các đường ống nhánh PVC có đường kính 60mm → các đường ống thoát nước thải chính PVC có đường kính 90mm → hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt (sau bể tự hoại) → Bể trung chuyển nước thải → Bể điều hoà → Bể xử lý sinh học thiếu khí (Anoxic) → Bể xử lý sinh học hiếu khí (bể Aerotank) → Bể lắng sinh học → Bể trung gian kết hợp khử trùng → Thiết bị lọc áp lực → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 120 m^3/ngày.
- Hóa chất sử dụng: NaOH, PAC, Mật rỉ đường, Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố*:*

- Bố trí cán bộ được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành công trình xử lý nước thải, ứng phó sự cố để vận hành, theo dõi, giám sát liên tục quá trình vận hành và có nhật ký vận hành công trình xử lý nước thải ghi nhận các thông tin về lưu lượng nước

thải, lượng điện tiêu thụ, hóa chất sử dụng, lượng bùn thải để kịp thời nhận biết các sự cố (nếu có).

- Trang bị các phương tiện, máy móc thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong công trình xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc hoạt động ổn định.

- Định kỳ theo ca, ngày làm việc nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải và bảo trì có trách nhiệm kiểm tra tình trạng các thiết bị, các đường ống, tình trạng của các bể chứa, bể xử lý, các thiết bị xử lý để kịp thời xử lý khi có hiện tượng như rò rỉ, rách thủng, hư hại do quá trình vận chuyển, tuổi thọ công trình hoặc do va đập. Trường hợp phát hiện vị trí, nội dung bất thường, không phù hợp thông báo ngay cho quản lý xưởng, Phòng An toàn môi trường để báo Ban Giám đốc xử lý.

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc, thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của công trình; Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Báo ngay cho cơ quan nhà nước có chức năng các sự cố để được hỗ trợ và có biện pháp khắc phục kịp thời trong trường hợp quá khả năng ứng phó của đơn vị.

- Quy trình ứng phó sự cố:

+ Đối với sự cố hỏng thiết bị: Thông báo ngay cho các đơn vị thuê nhà xưởng dừng các hoạt động có phát sinh nước thải; tiến hành thay thế bằng thiết bị dự phòng như máy bơm dự phòng, bơm định lượng dự phòng, ... Sau khi khắc phục sự cố, tiếp tục vận hành lại hệ thống xử lý đảm bảo không làm gián đoạn quá trình xử lý.

+ Đối với sự cố tắt, bể đường ống thu gom nước thải: Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; trường hợp xảy ra sự cố bể đường ống thu gom nước thải, tiến hành khoá van khu vực xảy ra sự cố, sau đó bơm nước thải về hố ga gần nhất. Tiến hành thay thế đường ống mới, thông tắt đường ống; sau khi khắc phục sự cố, nước thải được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi thải ra nguồn tiếp nhận, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

+ Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải hoặc hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố và phải dừng hoạt động, nước thải phát sinh được bơm về hồ sự cố (sử dụng module xử lý công suất 200m^3/ngày dùng làm hồ sự cố) để lưu chứa tạm thời; giảm công suất sản xuất hoặc dừng sản xuất để hạn chế hoặc không làm phát sinh nước thải. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được bơm về hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật môi

trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận, không xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn ra môi trường.

1.5 Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của công trình xử lý nước thải tập trung

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn tiếp nhận
1	Nhiệt độ	^{0}C	40
2	Màu	Pt/Co	150
3	pH	-	5,5 đến 9
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	220
5	COD	mg/l	500
6	BOD_5 (20^0C)	mg/l	220
7	Tổng nitơ	mg/l	40
8	Tổng phốt pho	mg/l	8
9	Amoni	mg/l	14
10	Sunfua (H_2S)	mg/l	4
11	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	20
12	Coliforms	MPN/100ml	5.000

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có sổ nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra, lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường .

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1 /GPMT-STNMT ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung *(Tại nhà điều hành: khu vực chứa máy bơm, máy thổi khí, các thiết bị liên quan đến hệ thống xử lý nước thải).*

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tọa độ: X= 1209933; Y= 609603 *(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105^0, múi chiếu 3^0).*

3. Tiếng ồn, độ rung:

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; trồng cây xanh dọc đường giao thông nội bộ, khuôn viên công trình xử lý nước thải để hạn chế tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy thổi khí, máy bơm đặt trong nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1 /GPMT-STNMT ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Kí hiệu phân loại	Khối lượng *(kg/năm)*
1	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	KS	2
2	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	NH	2
3	Dầu nhớt thải	Lỏng	17 02 03	NH	5
4	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	NH	5
5	Linh kiện, thiết bị điện tử, đèn led	Rắn	16 01 13	NH	1
6	Bao bì kim loại cứng dính thành phần nguy hại	Rắn	18 01 02	KS	20
7	Bao bì nhựa cứng dính thành phần nguy hại	Rắn	18 01 03	KS	10
Tổng khối lượng					**45**

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Nhóm CTRCNTT	Khối lượng (kg/năm)
1	Rác thải đường phố, cây xanh	2.000
2	Bùn thải từ nạo vét định kỳ các hố ga thoát nước mưa	1.500
3	Bùn thải từ bể tự hoại	1.000
4	Bao bì nylon, thùng carton	15
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	3.796
Tổng cộng		**8.311**

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên làm việc tại cơ sơ *(công trình xử lý nước thải tập trung) bao gồm: chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (bao nilon, vỏ lon, thuỷ tinh, giấy vụn,…); chất thải thực phẩm (rau quả, thực phẩm thừa,…)* và chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý với khối lượng phát sinh khoảng 3 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải: Trang bị 4 thùng chứa loại 120 lít có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để thu gom và bảo quản từng loại chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho/ khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 4m^2.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Tường gạch kết hợp vách tôn; mái lợp tôn; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thẩm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có gờ bao chống tràn và rãnh gom chất lỏng đổ tràn đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; có biển cảnh báo; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ *(như cát khô)*… theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Trang bị 02 thùng chứa loại 25 lít, 01 thùng chứa 120 lít (có nắp đậy) để lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Bùn thải từ các Bể tự hoại được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Tần suất thu gom 1 năm/lần.

- Bùn từ việc nạo vét đường ống sẽ được đơn vị chức năng thu gom trong lúc nạo vét, nạo vét định kỳ 01 năm/lần.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được lưu chứa tại bể chứa bùn, thể tích 9,24m^3, định kỳ 06 tháng/lần hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa: diện tích 3m^2 (*được bố trí trong khu vực nhà điều hành của công trình xử lý nước thải tập trung)*

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị 21 thùng chứa loại 120 lít (có nắp đậy) để lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.2. Kho lưu chứa:

Không bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt. Hằng ngày, chất thải thực phẩm và chất thải sinh hoạt khác sẽ được thu gom tập kết về cạnh nhà xe (diện tích 120m^2) và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. Đối với chất thải sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế (Bao nilon, vỏ lon, thuỷ tinh, giấy vụn,…), công ty sẽ được đưa về khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường là 3m^2.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân phường Tân Bình và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Dĩ An theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân phường Tân Bình về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1 /GPMT-STNMT ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

3. Xây dựng quy định quản lý Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với hoạt động đầu tư khu Khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê theo quy định tại Điều 7 của Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của cơ sở.

5. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường hiệu quả trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

6. Luôn thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường theo đúng quy định, đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom và xử lý đạt các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

7. Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng, an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

8. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

9. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật; hợp đồng đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.

10. Việc thu hút, sắp xếp, bố trí các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp theo ngành nghề thu hút đầu tư trong khu nhà xưởng, kho bãi cho thuê phải bảo đảm thực hiện theo đúng quy hoạch phân khu chức năng của khu được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

11. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

12. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

13. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.